

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28-6-2019

Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Lan
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2019/TLST- HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1954 (có mặt).

2. **Bị đơn:** Bà Huỳnh Kim T, sinh năm 1955 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ ấp D, xã Y, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H và bà Huỳnh Kim T (sau đây gọi tắt là ông H, bà T) chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 02/1975, không có đăng kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng chung sống được khoảng 36 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và bất hòa trong chuyện làm ăn kinh tế gia đình. Ông H và bà T đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên ông H yêu cầu

được ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông H và bà T có 05 người con chung tên Nguyễn Thanh Nhân, sinh năm 1975, Nguyễn Khỏe Mạnh, sinh năm 1978, Nguyễn Kim Chuyển, sinh năm 1980, Nguyễn Quốc Xuyên, sinh năm 1983 và Nguyễn Duy Khanh, sinh năm 1989. Các con đã trưởng thành và có gia đình riêng, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông H và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tường trình ngày 28/5/2019 bị đơn bà Huỳnh Kim T trình bày:

Về hôn nhân: Bà T và ông H cưới nhau vào năm 1975, vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống bà T và ông H được 05 người con chung nhưng đều đã có gia đình và sống riêng.

Về tài sản chung: Vợ chồng có một phần đất vườn và đất ruộng tọa lạc tại ấp Đặng Văn Do, xã Thạnh Yên, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang và 01 căn nhà cấp 04 đã xuống cấp. Gia đình sống chủ yếu bằng nghề làm ruộng, những năm gần đây làm ăn thất bại, vợ chồng nợ tiền phân bón, vật tư nông nghiệp không có khả năng trả phải nhờ các con đứng ra trả nợ, nhưng ông H không lo làm ăn mà có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên thường có hành vi bạo lực gia đình rượt đánh bà T và xúc phạm cha mẹ vợ. Do sợ bị ông H đánh đập nên khoảng 01 năm nay bà T về nhà con gái rượt ở. Lý do ông H xin ly hôn là do có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Nếu ông H muốn ly hôn thì bà T chấp nhận, nhưng không được yêu cầu phân chia tài sản trong gia đình.

Những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Bản sao giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Văn H, bản sao sổ hộ khẩu, bản sao giấy trích lục khai sinh tên Nguyễn Thanh Nhân, Nguyễn Khỏe Mạnh, Nguyễn Quốc Xuyên và Nguyễn Duy Khanh, đơn xin xác nhận nơi cư trú và đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 23/5/2019.

Bị đơn cung cấp: Bản tự khai ngày 10/5/2019, tờ tường trình ngày 28/5/2019 và đơn xin vắng mặt ngày 18/6/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Bị đơn bà Huỳnh Kim T có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 18/6/2019 vì lý do bị bệnh. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. **Về hôn nhân:** Ông H và bà T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1975, mặc dù không có đăng ký kết hôn nhưng đây là hôn nhân thực tế. Tại

phiên tòa, ông H trình bày lý do xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và mâu thuẫn trong chuyện làm ăn kinh tế gia đình, bà T không tôn trọng cha mẹ ông H. Bị đơn bà T thì lại cho rằng lý do ông H xin ly hôn là do có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác.

Hội đồng xét xử nhận thấy, các lý do ông H đưa ra để xin ly hôn với bà T là chưa chính đáng nên tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã phân tích động viên hàn gắn nhưng ông H kiên quyết xin ly.

Tại bản tường trình ngày 28/5/2019 bà T trình bày trong thời gian chung sống ông H thường kiểm chuyện, xúc phạm cha mẹ vợ và rượt đánh bà T. Qua đó cho thấy, tình cảm vợ chồng của ông H đối với bà T không còn nếu tiếp tục chung sống cũng không H phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, ngược lại có thể xảy mâu thuẫn và bạo lực gia đình. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận cho ông H được ly hôn với bà T.

[3]. **Về con chung:** Ông H và bà T được 05 người con chung nhưng đều đã trưởng thành và có gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. **Về tài sản chung:**

Theo đơn khởi kiện ông H không yêu cầu chia tài sản chung để ông H và bà T tự thỏa thuận. Tại bản tường trình này 28/5/2019 bà T trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng tạo lập được 01 số tài sản chung là phần đất vườn và đất ruộng tọa lạc tại ấp Đặng Văn Do, xã Thạnh Yên, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang và 01 căn nhà cấp 04 đã xuống cấp. Bà T không yêu cầu chia số tài sản trên mà sau này sẽ làm di chúc lại cho các con.

Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. **Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Ông H phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 khoản 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Văn H và bà Huỳnh Kim T.
2. Về con chung: Ông H và bà T có 05 người con chung nhưng đều đã trưởng thành và có gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
3. Về chia tài sản chung: Ông H và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0000870 ngày 05/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Ông H có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện U Minh Thượng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khanh

